

Tản Mạn về Tử Vi và Phong Thủy

Bài 1

Tử Vi và Đời Sống Thường Hằng

Tôi đến với Bộ môn Tử Vi từ thừa 16 tuổi, khi còn là học sinh Trung Học Nguyễn Trãi tại Hanoi (1952), người giúp Tôi làm quen với Bộ môn này là một Ông Đồ Nho thất thời, do Ông Cụ tôi nhờ đến làm Lá Số Tử Vi và giải đoán cho toàn bộ Gia Đình. Ông ta thông thạo cả Nho, Nôm lẫn chữ Quốc Ngữ, viết Lá Số bằng Quốc Ngữ, bấm lá số trên bàn tay rồi viết ra giấy trên một cuốn sách.

Mỗi lúc rảnh rỗi, sau khi học bài xong, tôi thường ghé mắt nhìn, các Danh từ Tử Phủ Vũ Tướng (viết tắt bởi Bộ 4 : Tử Vi, Thiên Phủ, Vũ Khúc và Thiên Tướng), Sát Phá Tham (viết tắt bởi Bộ 3 : Thất Sát, Phá Quân và Tham Lang), Đào Hồng Hỉ, Không Kiếp, Kinh Đà, Linh Hỏa, hung sát tinh đặc địa, trung tinh đặc cách được Ông nhắc tới nhiều lần sau mỗi Lá Số. Lúc đó Tôi rất phục Ông có trí nhớ phi thường lấy lá số Tử Vi không cần một Tư Liệu nào trước mặt. Hồi đó sách viết về Tử Vi hầu như không có, hay có rất ít mà thiếu phổ biến ; sau này khi đất nước chia đôi vào Miền Nam đến năm 1956 mới có bộ sách Tử Vi Đẩu Số Tân Biên của Vân Đàng Thái Thứ Lang viết rất kỹ từ Định Nghĩa về Tính Chất các Bộ Sao, phép Lập thành Lá số Tử Vi và phương pháp luận đoán đã làm nền tảng cho bộ sách Tử Vi Hàm Số và Tử Vi Tổng Hợp của Nguyễn Phát Lộc sau đó (1972). Ngoài ra, cuốn Tử Vi Áo Bí của Việt Viêm Tử chỉ là sách dạy cách lấy lá số bằng cách bấm đốt ngón tay theo lối của các Ông Đồ Nho rất rườm rà, nếu dùng Toán Học chỉ cần một Công Thức nhỏ dùng Phép Đối Xứng qua các Trục trên Thiên Bàn để An Sao nhanh hơn không cần phải dùng nhiều trang với hình vẽ lớn của Bàn Tay chiếm hết một trang giấy cùng những Bài Thơ dài dòng (nhưng cũng dễ nhớ). Dù trước đó cuốn Tử Vi Chỉ Nam của Song An Đỗ Văn Lưu phát hành từ lâu (1934) ít phổ biến rộng rãi. Bộ Tử Vi của Kiến Trúc Sư Nguyễn Mạnh Bảo nặng về từ chương dịch nguyên văn từ sách Tàu không có gì phát kiến mới, phải đợi đến lúc Cụ Thiên Lương cho ra đời cuốn Tử Vi Nghiệm Lý (1974) với nhiều Phát Kiến mới lạ kiểm chứng trên nhiều Lá Số của các Danh Nhân. Thập Niên 70, phong trào Tử Vi nở rộ, nhiều thành phần tham dự có cả 1 Tuần Báo KHOA HỌC HUYỀN BÍ đăng tải nhiều phát kiến và quan niệm mới về các Bộ Sao, những Kinh Nghiệm Riêng của nhiều người trong Quá Trình nghiên cứu Tử Vi, nổi bật nhất là những Bài của cụ Thiên Lương và những người theo học Phái Thiên Lương (trong đó có cả những người con trai của Cụ).

Sau khi đi Tù Cộng Sản về năm 1978, Tôi có hân hạnh được Cụ Thiên Lương tiếp kiến nhiều lần, có cho xem những Bài Nghiên Cứu Kinh Nghiệm riêng về Tử Vi, sau này gửi

qua Mỹ cho người con Hồng Đức, vượt biên in lại thành cuốn Tử Vi Toàn Thư (1984). Đối với Tôi những Phát Kiến của học Phái Thiên Lương có nhiều mới lạ giúp ích rất nhiều cho những người nghiên cứu bộ môn này.

Dĩ nhiên trong thời gian nói trên còn có vô số các Tác giả khác, và sau 1975 tại Hải Ngoại cũng có rất nhiều. Thậm chí có quyển còn thay đổi Vị Trí các Cung trên Thiên Bàn. Đôi khi cách cấu tạo Nạp Âm của năm Âm Lịch của các sách cũng khác nhau về Ngũ Hành. Thí dụ năm Dương Lịch 1964 (từ ngày 13-2 -1964 đến hết ngày 1-2-1965) được gọi theo Âm Lịch là năm Giáp Thìn, người Trung Hoa gọi là Năm Rồng Lửa vì Giáp Thìn do Can Giáp (mộc) ghép với Chi Thìn (thổ) nạp âm là Phú Đăng Hỏa (Lửa Cây đèn). Thìn tượng trưng cho con Rồng, Hỏa là lửa, màu đỏ nên gọi là Rồng Lửa hay Xích Long. Phái theo Tây Tạng lấy hành của năm sinh theo hàng Can Giáp (mộc) nên gọi là Rồng Gỗ hay Thanh Long (vì Mộc là gỗ cây, thuộc màu Xanh). Nhưng đối với năm Canh Thìn 2000 nạp âm Bạch Lạp Kim (Vàng chân đèn) thì người Trung Hoa và người Tây Tạng cùng gọi là Rồng Trắng (Bạch Long) vì Can Canh và Nạp Âm đều thuộc Kim, kim loại gồm vàng, bạch kim vv... màu trắng được tượng trưng cho hành Kim (riêng màu Vàng : Hoàng Long được tượng trưng cho năm Bính Thìn có hành thổ). Những người tuổi Giáp Thìn gặp năm Nhâm Tuất (Đại Hải Thủy= nước trong Biển lớn) đối với người Tàu thì Nhâm Tuất thuộc Thủy, Giáp Thìn thuộc Hỏa vì Thủy khắc nhập Hỏa nên rất xấu (Tuất xung Thìn), nhưng đối với người Tây Tạng thì Nhâm thuộc Thủy sinh nhập cho Can Giáp (mộc) lại cho là rất tốt. Mức độ tốt hay xấu còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác, tùy từng người cần phải kiểm chứng lại. Riêng Tôi theo nhiều lần kiểm chứng , cách của người Tàu đúng hơn với ví dụ trên, tuổi Giáp Thìn gặp năm Nhâm Tuất có khắc kị nhưng chỉ xảy ra vào giữa và cuối năm ; người Tây Tạng có phần đúng ở đầu năm. Xem giờ tốt hay xấu người Tàu nhiều khi chỉ dùng sinh khắc ở hàng Can như người Tây Tạng. Như tuổi Giáp Thìn gặp giờ Nhâm Tuất lại không xấu lắm, cách này được dùng trong thời gian ngắn như Bói Dịch, Nhâm Độn.

Xác Suất và Thống Kê

Khi gieo một con xúc sắc để có « mặt Lục=số 6 » xảy ra, toán học nói rằng « độ xác suất = chính xác có một phần » của Biến cố này là 1/6 có nghĩa là khi ta gieo 6 lần thì có hy vọng 1 lần xảy ra, nhưng thực tế có khi ta gieo 6 lần đều có được « mặt 6 » (nghĩa là chính xác hoàn toàn cũng như nói Tử Vi đúng 100% như có nhiều người ca tụng) có khi không lần nào « mặt 6 » xảy ra hoặc xảy ra một vài lần. Phân số 1/6 chỉ là con số Lý thuyết nghĩa là nếu ta gieo hàng triệu lần rồi làm Thống Kê đếm các lần « mặt 6 » xảy ra và lập tỷ số giữa các lần xảy ra với số lần đã gieo, ta thấy phân số đó gần bằng 1/6. Nói như vậy để thấy rằng một dữ kiện muốn có độ chính xác cao thì Không Gian Mẫu phải lớn (nghĩa là phải thực hiện nhiều lần). Nếu chỉ xem 10 lá số thấy 7 lá đúng mà cho là đúng 70% thì cũng như gieo con xúc sắc 10 lần thấy 7 lần mặt lục xảy ra (thì hơi quá lỗ).

Đối với riêng Tôi bộ môn Tử Vi do cụ Trần Đoàn phát minh từ thời Nhà Tống bên Trung Hoa cũng giống như bộ môn Xác Suất và Thống Kê. Độ chính xác của một Bản Số không chỉ dựa trên Định Nghĩa tính chất của bộ Sao mà còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác. Một lá số có thể dùng cho nhiều người sinh cùng 1 giờ trên trái đất ở cùng một Múi giờ (nửa vòng tròn trên Trái Đất mà đường kính là Trục Bắc-Nam- trục Trái Đất-gọi là Kinh Tuyến, múi cầu nằm giữa 2 Kinh Tuyến nói trên, trong phần của 2 nửa mặt phẳng tạo với nhau một góc 15 độ(Nhị Diện) gọi là một Múi Giờ).

Lá Số Tử Vi quan trọng ở giờ Tử Vi. Hồi mới sang Pháp, một người quen đưa Lá số của đứa con sinh tại Pháp. Trên lá số thấy có ghi giờ sinh là 17 h 30 ngày 1-6-1984 đổi ra giờ Âm Lịch ghi là giờ Hợi ngày 3 tháng 5 năm Giáp Tý, nếu lấy đúng giờ địa phương tại Paris mùa Hè phải là giờ Thân, vì đồng hồ giờ mùa Hè tại Paris vắn lên 2 giờ. Về sau nhiều lá

Số của các Em sinh tại Pháp tôi cũng thấy ông thầy Tử Vi đó đều đổi giờ sinh tại Paris thành giờ sinh của Em đó cùng một lúc, nếu sinh tại Saigon, thành ra Lá Số nào cũng cách nhau 3 giờ (giờ Tử Vi), điều này không đúng vì giờ Tử Vi phải lấy theo giờ Địa Phương. Khi mặt trời qua Kinh Tuyến của một nơi, thời điểm đó là đúng Ngọ (12 giờ trưa). Muốn tìm thời điểm 12 giờ trưa tại một nơi lúc trời có nắng ta cầm 1 que gậy rồi quan sát bóng của que đó khi nào bóng có độ dài bé nhất : đó là thời điểm 12 giờ trưa.

Giờ Tử Vi

Một ngày có 24 giờ , mỗi giờ Tử Vi bằng 2 giờ thường như vậy trong 1 ngày có 12 giờ Tử Vi :

<i>Giờ Tý : 23giờ- 01giờ sáng</i>	<i>Giờ Ngọ : 11giờ- 13giờ trưa</i>
<i>Giờ Sửu : 01giờ – 03giờ</i>	<i>Giờ Mùi : 13 giờ – 15 giờ</i>
<i>Giờ Dần : 03 giờ – 05 giờ</i>	<i>Giờ Thân : 15 giờ – 17 giờ</i>
<i>Giờ Mão : 05 giờ – 07 giờ</i>	<i>Giờ Dậu : 17 giờ – 19giờ</i>
<i>Giờ Thìn : 07giờ - 09 giờ</i>	<i>Giờ Tuất : 19 giờ -- 21 giờ</i>
<i>Giờ Tỵ : 09 giờ- 11 giờ</i>	<i>Giờ Hợi : 21 giờ - 23 giờ</i>

Cách tính giờ Tử Vi theo giờ sinh

Đối với vài nơi như Việt Nam (trước 1975) và Pháp đồng hồ hay vắn lên một hay hai giờ tùy theo từng Thời Kỳ hay Giai Đoạn, nên phải điều chỉnh theo đúng « giờ Địa Phương » của người lấy Lá số rồi từ giờ Địa Phương chuyển sang giờ Tử Vi.

A. Người sinh tại Việt Nam

Trước năm 1943 :	giữ nguyên giờ sinh.
Từ 1-1-1943 đến 31 -3- 1945 :	giờ Tử Vi là giờ sinh trừ đi 1
Từ 1-1-1945 đến 31- 1- 1947 :	giờ Tử Vi là giờ sinh trừ đi 2
Từ 1-4-1947 đến 30- 6- 1955 :	giờ Tử Vi là giờ sinh trừ đi 1
Từ 1-7-1955 đến 31-12-1959 :	giữ nguyên giờ sinh
Từ 1-1-1960 đến 30- 4- 1975 :	giờ Tử Vi là giờ sinh trừ đi 1
Sau 30-4-1975	: giữ nguyên giờ sinh

B. Người sinh tại Pháp

Trước năm 1940 :	giữ nguyên giờ sinh
Từ 15-6-1940 đến 5-10-1941:	(giờ mùa Hè) trừ đi 2
Từ 6-10-1941 đến 8- 3- 1942 :	(giờ mùa Đông) trừ đi 1
Từ 9- 3- 1942 đến 1-11-1942 :	(giờ mùa Hè) trừ đi 2
Từ 2-11- 1942 đến 28-3-1943 :	(giờ mùa Đông) trừ đi 1
Từ 29-3- 1943 đến 3-10-1943 :	trừ đi 2
Từ 4-10- 1943 đến 2- 4-1944 :	trừ đi 1
Từ 3 - 4-1944 đến 7-10-1944 :	trừ đi 2
Từ 8-10-1944 đến 1- 4 -1945 :	trừ đi 1
Từ 2-4- 1945 đến 15-9-1945 :	(giờ mùa Hè) trừ đi 2
Từ 8-10-1945 đến 29-3-1976 :	(không kể Hè Đông) trừ đi 1
Từ 30-3-1976 đến 27-9-1976 :	(giờ mùa Hè như trước) 2
Từ 28-9-1976 đến 2- 4- 1977 :	(giờ mùa Đông) 1
Từ 3- 4- 1977 đến 24-9-1977 :	(giờ mùa Hè) 2
Từ 25-9-1977 đến 30-3-1978 :	trừ đi 1
Từ 1-4 - 1978 đến 30-9-1978:	trừ đi 2

Từ 1-10-1978 đến 31-3-1979:	trừ đi 1
Từ 1-4- 1979 đến 29-9-1979 : (giờ mùa Hè)	trừ đi 2
Từ 30-9- 1979 đến 4-4- 1980 : (giờ mùa Đông)	trừ đi 1
Từ 5-4- 1980 đến 27-9-1980 :	trừ đi 2
Từ 28-9- 1980 đến 26-3-1981 :	trừ đi 1
Từ 27-3- 1981 đến 25-9-1981 :	trừ đi 2
Từ 26 -9 1981 đến 26-3- 1982 :	trừ đi 1
Từ 27-3-1982 đến 25-9-1982 :	trừ đi 2
Từ 26-9- 1982 đến 2-4- 1983 :	trừ đi 1
Từ 3 - 4-1983 đến 24-9-1983 :	trừ đi 2
Từ 25-9- 1983 đến 31-3-1984 :	trừ đi 1
Từ 1-4- 1984 đến 28-9-1984 :	trừ đi 2
Từ 29- 4-1984 đến 29-9-1984 :	trừ đi 1

Bắt đầu từ 1-4 – 1985 giờ mùa Đông trừ đi 1 giờ, giờ mùa Hè trừ đi 2 giờ cho đến hiện nay.

C. Các Nơi Khác

Tuỳ theo giờ Địa Phương, một cách chắc chắn là so giờ Greenwich cộng với Số Múi Giờ của nơi sinh. Nếu đồng hồ không vặn lên, lấy giờ Địa Phương chuyển sang giờ Tử Vi. Muốn chắc chắn nữa là phải dựa vào Sao Chính của Bản Mệnh so với Hình Tướng, tính nét, mức độ thăng trầm của Đường Số ít nhất trong 2 Đại Vận 10 năm. Những người sinh từ 11 giờ 30 đến 12 giờ trưa, chẳng hạn, lấy giờ Ngọ độ chính xác khá cao. Cũng ví dụ trên người nào sinh lúc 11 giờ (giờ bản lề) hay 13 giờ, lá số thường thường không rõ hình ảnh lắm. Có những dữ kiện thì đúng ở lá số giờ Ngọ, nhưng cũng có những dữ kiện khác lại chỉ đúng ở lá số giờ Ty (hay giờ Mùi cho trường hợp sinh lúc 13 giờ). Điều chắc chắn sai khi lấy lá số cho Trẻ em VN sinh ở Pháp lại chuyển thành giờ Địa Phương ở VN.

Tôi đã có nhiều dịp lấy Lá Số Tử Vi cho nhiều người Ngoại Quốc đủ mọi Quốc Tịch, sinh đủ mọi nơi trên Thế Giới thì thấy dù Đường Số sinh ở đâu, nếu lấy giờ nơi sinh chuyển sang giờ Tử Vi, tính tình và biến cố thăng trầm của cuộc đời có mức độ chính xác khá cao. Dùng Tử Vi để xét Bản Chất và cuộc đời của một người cũng tương đối rất đúng.

Mẫu người Tử Phủ Vũ Tướng cách, vắng Hung Sát tinh, nếu có nhiều Trung tinh đặc cách (Khoa Quyền Lộc, Long Phượng Hổ Cáo, Khôi Việt, Thai Toạ, Quang Quý...) hợp Mệnh tức là cách Quân Thần Khánh Hội, phần lớn là mẫu người Chính Nhân Quân Tử hành động Quang Minh Chính Đại theo tiêu chuẩn Khổng Học với điều kiện hình tướng phải Tam Đình cân xứng, Lục Phủ Ngũ Quan phải đầy đặn không khuyết hãm. Cuộc đời thường gặp nhiều may mắn bất ngờ, trong Môi Sinh luôn luôn là bậc Trưởng Thượng, ung dung, khoan thai biết tiến thoái, cương nhu đúng lúc, có thể làm bất cứ ngành nghề nào cũng được, nhưng lúc nào cũng ở vị trí Lãnh Đạo Chỉ Huy được nể vì và trọng vọng.

Cụ Lê Quý Đôn rất có lý khi đưa thêm Hình Tướng để bổ túc ý nghĩa cho các Chính Tinh thủ Mệnh trong môn Tử Vi. Như lá số có 2 sao Tử Vi và Phá Quân thủ Mệnh (tại Sửu Mùi) thì với hình tướng như thế nào thì ăn theo Tử Vi hay ăn theo Phá Quân. Trong Thần Khê Định Số đưa ra hình ảnh Phá Quân Tý Ngọ đặc cách với hình tướng phải phương phi nở nang, râu hùm hàm én mới là Bậc Trưởng Phu tài trí hơn người. Đó là hình ảnh Quan Văn Trường trong truyện Tam Quốc mới ăn về sao Phá Quân cư Tý. Còn Phá Quân kèm theo Không Kiếp, ngũ quan khuyết hãm chỉ là bọn sớm đầu tối đánh, ăn cướp vặt.

Sát Phá Tham có phải là Võ Cách không ?

Hồi mới học Tử Vi khi ngồi xem Ông Đồ làm bản số mỗi khi thấy lá số nào mà Mệnh Thân có bộ ba Sát Phá Tham (viết tắt của bộ ba sao Thất Sát, Phá quân và Tham Lang luôn luôn ở vị trí Tam hợp nghĩa là nếu Mệnh hay Thân có 1 trong bộ ba thủ Mệnh hay Thân thì cung Quan Lộc và Tài Bạch có 2 sao còn lại, nói một cách dễ hiểu 3 sao đó nằm trên 3 đỉnh của một tam giác đều cạnh) ông ta đều phán rằng Cậu này sẽ phát võ. Khi Di Cư vào Nam năm 1954 và những năm kế tiếp các Nhà Xuất Bản sách truyện mọc lên như nấm, các sách viết về Tử Vi đương nhiên cũng được phát hành rầm rộ, hầu như sách nào cũng cho Sát Phá Tham là võ cách.

Những năm trước 1963 có dịp theo mấy Ông Bạn nhà Binh thăm các Thầy Bói Kim, Ích, Minh Lộc ... đa số những Ông này khi gặp những lá số mà Mệnh Thân có bộ Sát Phá Tham đều khẳng định là Phát Võ. Các Ông Thầy này chuyên chú nhiều đến Hung Sát tinh (thời loạn có khác !) dựa vào các câu Phú cổ :

Tham, Hỏa Thìn Tuất danh chấn chư bang

Tham, Linh tinh thủ, tướng tướng chi danh

Sát, Hình hội, long thần định giáng

Thất Sát Dân Thân Tý Ngọ nhất sinh tước lộc vinh xương

Nào là :

Phá Quân Tý Ngọ gia quan tiến lộc

Kiếp Không đắc địa phát dã như lôi.

Nhiều khi còn cố ghép các Sao để thành Bộ : như Binh Hình Tướng Ấn (viết tắt của 4 sao Phục Binh, Thiên Hình, Tướng Quân và Quốc Ấn) hay Long Hồ Kinh Quyền (Long thường viết tắt của Long Trì, nhiều khi không có thì ghép Thanh Long kết quả thì lấy Long Đức, Bạch Hồ, Kinh Dương, Hóa Quyền) đọc lên nghe kêu lắm, để tán cho những sao sẽ phát về Võ và phát nhanh.

Cuộc Đảo Chánh ngày 1/11/1963 các ông Thầy Minh Lộc, Kim có ảnh hưởng lớn đến biến cố này. Phần lớn các Sĩ Quan cấp Tá, kể cả cấp Tướng đều tin một cách mù quáng vào các lời bốc thơ mà hành động. Người viết đã từng được một ông Đại Tá (sau lên Tướng) dẫn đi xem ông Minh Lộc vài lần, lần nào cũng có nhiều Sĩ Quan thân cận đi tháp tùng để nghe nhiều luận đoán, phần lớn bốc thơ về các Lá Số có bộ Sát Phá Tham và Hung Sát Tinh. Chính vì điểm đó mà CIA đã lợi dụng các Ông Thầy Tử Vi để hướng dẫn biến cố theo điều họ muốn. Đây chỉ là một nhận xét cá nhân trung thực trên các dữ kiện có thực ở một Giai Đoạn Lịch Sử, không có tính cách phê phán một ai, chỉ có mục đích chứng minh là các ông Thầy Tử Vi có ảnh hưởng rất lớn đến những cuộc Chính Biến từ năm 1963 và những năm sau đó. Và cũng để chứng minh một tính chất của bộ Sát Phá Tham mà từ ngàn xưa ngay cả các sách cổ, những lá số nào mà Mệnh Thân có bộ Sát Phá Tham đều cho là Võ Cách. Điều này không phải là không đúng mà cũng không sai ! Vì nhiều người thành công trong Võ Nghiệp đều có bộ Sát Phá Tham. Cũng như Mệnh Thân có Cơ Nguyệt Đồng Lương hay Cự Nhật vẫn đi lính như thường.

Song có một điều chắc chắn là người nào Mệnh Thân có Sát Phá Tham đặc cách hợp Mệnh ngộ Hung Sát Tinh đặc địa thành công rất nhanh trong Binh Nghiệp ở Đại Vận có bộ sao này. Trong Binh Nghiệp thường là cấp chỉ huy trực tiếp chiến đấu như Tiểu Đoàn Trưởng, Trung Đoàn Trưởng, Sư Đoàn Trưởng. Trái lại dù ở trong nhà Binh, Mệnh Thân không có bộ Sát Phá Tham thì chỉ giữ những vai trò như Tham Mưu, Tiếp Vận, Quân Nhu vv..., nếu có lên lon mau là nhờ ở Chu Kỳ (hay Đại Tiểu Vận) có bộ Sát Phá Tham hay hung sát tinh đặc cách. Hết chu kỳ đó cuộc đời vào ngã rẽ ít sóng gió hơn.

Tóm lại ta có thể kết luận rằng những người nào mà Lá số có bộ Sát Phá Tham đóng tại Mệnh Thân là những người dễ thành công trong Binh Nghiệp, ngoài khiếu trên còn dễ thành công trong môi trường Kinh Doanh, Thương Mãi, Kỹ Thuật, Chính Trường ; đó là Mẫu người Hiếu động.

Những năm trong trại Tù Cộng Sản, Tôi đã có dịp xem số Tử Vi cho hàng ngàn Sĩ Quan cấp Ủy lẫn cấp Tá đã thấy rằng những người nào mà bản số Mệnh Thân có bộ Sát Phá Tham +Hung tinh đắc địa thường là những Tiểu Đoàn Trưởng, Trung Đoàn Trưởng ... ở những binh chủng Dù, Thủy Quân Lục Chiến, Biệt Động Quân, dĩ nhiên có cả Bộ Binh, còn bản số nào không có bộ ba này thường ở các ngành Chiến Tranh Chính Trị, Quân Nhu, Quân Vận, Tiếp Vận, Hành Chánh Tài Chánh, Quân Y...Mỗi khi xem số cho một người nào đó, Tôi thường phối kiểm các thời điểm tương ứng với Chu Kỳ trên bản số, nhất là những Lá số có bộ Sát Phá Tham của các Sĩ Quan Dù, Thủy Quân Lục Chiến, Biệt Động Quân nắm đơn vị trực tiếp chiến đấu thường lên lon rất mau. Còn những người ở đơn vị không trực tiếp chiến đấu, tuy cùng một Cấp Bậc xuất thân cùng Quân Trường ở khóa Đàn Anh cách nhau vài khóa có khi cả chục khoá, đương nhiên lá số mà Mệnh Thân không có bộ Sát Phá Tham. Vào thời điểm mà lá số có bộ Sát Phá Tham ngộ Hung Sát tinh thì thường bị thương nặng phối hợp với chỉ tay có các đường chỉ đứt quãng, nặng thì trên đường Sinh Đạo, nhẹ thì trên đường Tâm Đạo hay Trí Đạo. Phần lớn độ chính xác khá cao.

Tôi cũng có dịp xem cho khoảng chục Bác Sĩ cũng là Sĩ Quan tù Cộng Sản, thấy rằng Ông nào mà Mệnh Thân có bộ Cơ Nguyệt Đồng Lương (viết tắt của bộ 4 sao Thiên Cơ, Thái Âm, Thiên Đồng và Thiên Lương) thêm Trung Tinh đắc cách, mở phòng mạch thường đông khách kiếm nhiều tiền và rất có tiếng, hơn hẳn các Bác sĩ nào không có bộ sao này. Cũng có ông bộ Sát Phá Tham đắc cách quả lên lon rất mau, tuy ở khóa Đàn Em mà ngang lon cùng khóa Đàn Anh, hành nghề giải phẫu cũng rất nổi tiếng.

Ta cũng thấy cũng có rất nhiều Bác Sĩ tuy có bằng mà không hành nghề hay làm các công việc khác. Để thấy rằng môn Tử Vi có thể dùng như một bộ môn Trắc Nghiệm Tâm Lý để hướng dẫn chọn nghề cho các Trẻ Em hợp với năng khiếu và sở thích thì khi vào đời dễ dàng thành công hơn.

Trong xã hội Việt Nam phần đông cha mẹ nào cũng muốn cho con cái học ngành Y Khoa để trở thành Bác Sĩ vì có tương lai và dễ kiếm tiền hơn. Nhưng nếu trẻ em nào mà Lá số thiếu bộ Cơ Nguyệt Đồng Lương hay Cự Nhật +trung tinh đắc cách cho dù có bằng Bác Sĩ thì lúc hành nghề cũng chỉ khá hơn các nghề khác, nói đúng hơn là không có khiếu (mất tay lúc chữa bệnh) nếu theo đuổi ngành khác (thêm bộ Tam Minh Đào Hồng Hỉ) có lẽ lại nổi danh và kiếm tiền nhiều hơn, lại có ích cho xã hội nhiều hơn.

Vai trò Cộng Nghiệp trên Lá Số Tử Vi

Khi xem một Lá số Tử Vi, những lá số của những người liên hệ như Cha Mẹ, Anh Chị Em, người Phối Ngẫu, con cái (mà tôi thường gọi là Vệ Tinh) có ảnh hưởng 2 chiều . Tôi thường dùng chữ *Cộng Nghiệp* để chỉ sự liên hệ tác động trên các Lá số đó.

Ngày xưa các Cụ xem Tử Vi có dùng sự Truyền Tinh từ lá số của Cha hay mẹ với lá số của các người con. Thí dụ Lá số của Cha mà cung Mệnh tại Sửu có Thiên Tướng tọa thủ (đó là cách Phủ Tướng triều viên) tất nhiên cung Tử Tức tại Tuất có Thái Âm. Nếu lá số người con có Thái Âm tại Mệnh đóng tại Tuất thì các Cụ cho rằng có sự Truyền Tinh hay ngược lại đương số Mệnh đóng tại Sửu có Thiên Tướng cung Phụ Mẫu đóng tại Dần có Đồng Lương, nếu Mệnh của Cha Mẹ có Đồng Lương cũng vậy. Nhiều khi chỉ cần cung

Mệnh của Cha Mẹ đóng trùng hợp với cung Phụ Mẫu của Đương Số không cần đúng bộ Sao cũng có ảnh hưởng tác động qua lại giữa 2 lá số.

Riêng Tôi thấy trường hợp « thuận » đúng hơn trường hợp « nghịch » vì một người có thể sinh ra nhiều người con mang nhiều bản số khác nhau. Trước kia dùng lá số của người con để đoán số Cha Mẹ hay dùng lá số của Cha Mẹ để kiểm chứng lá số của con như có vài ông Thầy Tử Vi ngày xưa thường dùng lá số nọ để khẳng định giờ sinh của lá số kia, đôi khi chỉ chính xác trong trường hợp Cộng Nghiệp.

Không phải là số nào cũng có vai trò Cộng Nghiệp, lúc có, lúc không. Tôi đã xem lá số cho một thân chủ có 5 người con và chỉ ra sự thương yêu, ưu tư, săn sóc lo lắng riêng cho đứa con đó có lá số Cộng Nghiệp; bà ta rất lấy làm ngạc nhiên, vì đối với 5 đứa con bà ta ngoài mặt đều thương yêu như nhau, quả là trong thâm tâm bà ấy có lo lắng đặc biệt cho đứa đó nhất mà chỉ riêng bà ấy biết mà thôi.

Cũng như không phải Lá số nào có cung Tử Tức xấu mà tất cả các con đều xấu hết hay chịu hậu quả trực tiếp của cung đó. Tôi đã từng xem lá số của một Bà tuổi Nhâm Thìn 1952 có Lá Số trong đó cung Tử Tức đóng tại Dậu có Kinh Hình Không Kiếp hội hợp. Bà ta có 4 người con, chỉ có đứa con tuổi Tân Dậu (1981) Mệnh đóng tại Dậu có Thiên Hình+Địa Kiếp bị liệt lúc mới sinh ra, chỉ đứa con này gánh chịu mọi hậu quả của Hình Kiếp, riêng 3 đứa còn lại rất bình thường. Nhưng có lẽ những năm Dậu kế tiếp (rơi vào cung Tử Tức của Mẹ) hay năm Tỵ (tiểu hạn trong Lá Số của Mẹ) cũng sẽ bị ảnh hưởng xấu (chưa được kiểm chứng). Nhưng Tôi đã thấy một bản số của người Mẹ có 6 người con (3 trai, 3 gái) có cung Tử Tức: Thái Âm ngộ Địa Kiếp tại cung Tuất. Địa Kiếp không những tác động trực tiếp trên 1 đứa con mà còn hưởng gián tiếp đến các đứa con còn lại, nhiều khi còn ảnh hưởng đến Đương Số vào thời điểm mà Thái Âm ngộ Địa Kiếp hiện diện trên lá số.

Bà ta tuổi Quý Hợi (1923) Mệnh đóng tại Sửu có Thiên Tướng ngộ Triệt, cung Tử Tức tại Tuất có Thái Âm đắc cách ngộ Hóa Khoa, Địa Kiếp và Tuần. Học Tử Vi ai cũng biết Thái Âm (mặt trăng) biểu thị cho con mắt phải, bộ óc, hệ Thần Kinh, ở số là tượng Mẹ, số đàn ông thì thêm tượng Vợ, ở số đàn bà vừa là Mẹ, vừa là Con Gái. Đương nhiên cầm lá số ai cũng có thể đoán đương số có một người con gái đẹp bị tai nạn hay bệnh tật nguy hiểm nào đó có thể nguy đến tính mạng. Điều này rất đúng vì Trưởng Nữ của Bà ấy chết lúc còn trẻ khoảng 3 tuổi. Có phải Cô gái đầu lòng chết rồi thì hết ảnh hưởng của Thái Âm ngộ Địa Kiếp? Vì Bà ta còn 3 cô con gái: Bính Tuất (1946), Ất Mùi (1955) và Bính Thân (1956). Một chi tiết trùng hợp kỳ lạ là 2 cô Bính Tuất và Bính Thân đều có Mệnh Thân tọa thủ tại Tuất. Chắc chắn là ảnh hưởng của Thái Âm ngộ Địa Kiếp với Hóa Khoa hoa giải sẽ ứng nghiệm vào 2 tuổi này nhiều hơn là tuổi Ất Mùi. Vào năm Nhâm Tuất 1982 bà ta có nhờ Tôi xem lại các lá số mà tôi đã lấy vào 3 năm trước đó cho cả gia đình và Tôi có đoán là 2 tuổi Tuất và Thân sẽ gặp điều không may vào tháng 9 (tháng Tuất), nếu 2 tuổi đó có thoát nhờ Khoa (+ Tuần) giải thì chính đương số sẽ có vấn đề về mắt. Quả nhiên tuổi Tuất bị bắt vì vượt biên đúng tháng Tuất, ở tù 6 tháng; tuổi Thân bên Úc gặp tai nạn xe cộ bị gãy xương sườn được bồi thường một số tiền lớn, nhờ số tiền này mà Anh chồng học thành tài. Song đồng thời vài tháng sau Bà ta mất đang sáng bỗng nhiên bị màng che không thấy gì nữa đi đâu cũng phải có người dắt. Tôi lại an ủi Bà ta lúc đó đang chờ ngày Đoàn Tụ với cô tuổi Thân tại Úc và có đoán Bà sẽ khỏi mắt khi sang Úc vào năm Bính Dần 1986 khi tiểu hạn năm Dần rơi vào Cung Tử Tức trên lá số của Bà đó. Lời tiên đoán đã ứng nghiệm vì khi sang Úc vào năm 1986 bà ta sau khi mổ mắt đã được trở lại bình thường như trước (

đó là ảnh hưởng của Thái Âm đổi nơi ở, sẽ nói về Âm Dương trong một bài khác).

Với những dữ kiện xảy ra trên lá số của Bà Quý Hợi cho ta thấy : không những có sự Cộng Nghiệp trên những bản số liên hệ (có sự truyền tinh) mà còn có tính cách Dịch Lý (trạng thái động tĩnh) trên một bộ sao như Thái Âm chẳng hạn. Thái Âm đắc cách tại Tuất (mặt trăng sáng về đêm) ngộ Tuần , sách nói là hãm nhưng nếu đổi môi sinh thì vị trí của Thái Âm cũng thay đổi theo Mệnh Số. Riêng chi tiết này cho ta thấy giờ Tử Vi lấy theo giờ Địa Phương là trùng cách và cách luận đoán Tử Vi về một bộ Sao phải dùng Dịch Lý, sự tốt xấu phải xét tùy theo thời điểm và môi sinh của Dương Số.

Paris Mùa Xuân Giáp Thân 2004
Phạm Kế Viêm